

Bản án số:127/2024/HSST
Ngày: 15/08/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PY, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Văn Tôn.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 07 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:121/2024/QĐXX-ST ngày 01/08/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh T, tên gọi khác: Không; sinh năm 2003 tại PY; trú tại: Xóm NV 5, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên; trình độ văn hoá lớp: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lưu Thị G; có vợ là Dương Thị T, vợ chồng có 02 con chung (con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/04/2020 bị Công an thị xã (nay là thành phố) PY xử phạt 1.250.000đ về hành vi “*Xâm phạm đến sức khỏe của người khác*”, T chưa chấp hành nộp phạt tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu thi hành.

Bị cáo không bị giam giữ, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Xuân Y, sinh năm 1996 (có mặt);

Trú tại: Xóm NV 5, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lưu Thị G, sinh năm 1973 (có mặt);

Trú tại: Xóm NV 5, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

2. Anh Phạm Văn M, sinh năm 2002 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Xóm T 1, xã TC, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Dương Thị T, sinh năm 2001 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Xóm NV 5, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Xuân Y có mối quan hệ là chị em ruột. Chị Y đang ly thân với chồng và về chung sống cùng gia đình T. Khi chị Y đi xây dựng gia đình được mẹ đẻ là bà Lưu Thị Gg cho thêm tiền để mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát (BKS) 20H1-623.14 nhưng đăng ký xe mang tên Lưu Thị G. Khi về chị Y thường xuyên dùng chiếc xe trên để đi làm và để tại nhà của bà G. Do trước kia T có vay nợ và bị đòi nhưng không có tiền để trả nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nêu trên của chị Y mang đi bán lấy tiền để trả nợ. Khoảng 15 giờ ngày 15/3/2024, Nguyễn Mạnh T đang ở nhà và thấy chiếc xe nêu trên của chị Y đang để ở sân nhà. T đi xung quanh nhà quan sát rồi đi vào phòng khách thì thấy trên mặt bàn học có 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 20H1 - 623.14 mang tên Lưu Thị G và ở dưới nền nhà gần bàn học có 01 chìa khóa phụ (dạng thẻ nhựa, gồm 02 thanh mở chống trộm và 01 thẻ nhựa có dãy số mở khóa xe), T lấy giấy đăng ký xe và chìa khóa phụ rồi học theo cách chỉ dẫn mở khóa điện của xe trên mạng internet rồi thực hiện việc mở khóa xe. Khi mở được khóa xe, T khởi động xe và điều khiển xe đi đến cửa hàng Mạnh Store tại khu vực chợ LT thuộc xóm Tôm 1, xã TC, thành phố PY bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn M với giá là 20.000.000 đồng (có giấy bán xe giữa T và anh M) rồi T đưa cho anh M 01 CMTND, 01 Đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Thị G, 01 móc chìa khóa có 02 thẻ nhựa và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu trắng. Trước đó T đã vay của anh M 3.500.000 đồng nên anh M đã trừ nợ và đưa lại cho T 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó T bắt xe đi đến khu vực Trường cao đẳng kinh tế Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và hẹn người tên L đến trả cho anh L số tiền 13.000.000 đồng, số tiền còn lại T tiêu sài cá nhân hết. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Y ngủ dậy và đi ra ngoài sân thì không thấy chiếc xe ở đó, nghi ngờ bị mất trộm, chị Y đã trình báo vụ việc đến Công an xã VP, thành phố PY để giải quyết theo quy định.

Ngày 19/3/2024, anh Phạm Văn M đã giao nộp chiếc xe mô tô BKS 20H1 - 623.14; 01 CMTND mang tên Lưu Thị G; 01 Đăng ký xe mô tô mang tên Lưu Thị G; 01 móc chìa khóa có 02 thẻ nhựa và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu trắng cho Công an xã VP, thành phố PY.

Ngày 21/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PY đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 1137/YC-CSĐT đối với: 01 mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, số máy JK12E0235177, số khung RLHJK121NZ022784, màu đỏ, BKS 20H1-623.14 (tình trạng đã qua sử dụng, hiện đang hoạt động bình thường).

Tại Bản kết luận định giá số: 29/KLĐG ngày 22/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố PY, kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu HONDA

LEAD, BKS 20H1-623.14, số máy JK12E0235177, số khung RLHJK121NZ022784; đăng ký tháng 5 năm 2022. Phương tiện đã qua sử dụng, hiện trạng phương tiện còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường. Giá trị còn lại của phương tiện theo yêu cầu định giá số 1137/YC-CSĐT ngày 21/3/2024 của Công an thành phố PY trị giá là 29.400.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Mạnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Bị cáo xác nhận khoảng 15 giờ ngày 15/3/2024, đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát (BKS) 20H1-623.14 của chị Nguyễn Xuân Y đang để ở sân nhà, cùng 01 móc chìa khóa có 02 thẻ nhựa và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu trắng, 01 giấy đăng ký xe và chìa khóa phụ rồi điều khiển xe đi đến cửa hàng Mạnh Store tại khu vực chợ LT thuộc xóm T1, xã TC, thành phố PY bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn M với giá là 20.000.000 đồng, kèm theo là 01 CMTND, 01 Đăng ký xe mô tô đều mang tên Lưu Thị G; 01 móc chìa khóa có 02 thẻ nhựa và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu trắng. Số tiền trên bị cáo trả nợ cho anh Mạnh và anh Luân hết 16.500.000 đồng, số tiền còn lại 3.500.000 đồng bị cáo đã tiêu sài hết... Bị cáo thực hiện việc trộm cắp một mình và không bị ai xúi giục.

Cáo trạng số: 108/CT-VKSPY ngày 01/07/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc thẩm vấn đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Mạnh T từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra việc giải quyết.

Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về nộp ngân sách Nhà nước.

Phản tranh luận: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Giang không tranh luận gì, nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát.

Nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố PY, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân

thành phố PY, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh M, chị T vắng mặt (đã có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà G và Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền trả nợ, nên khoảng 15 giờ ngày 15/3/2024 tại xóm NV 5, xã VP, thành phố PY, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Mạnh T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát (BKS) 20H1-623.14 của chị Nguyễn Xuân Y (chị gái của T) đang để ở sân nhà và vào phòng khách của gia đình T lấy trên mặt bàn học 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 20H1- 623.14 mang tên Lưu Thị G và ở dưới nền nhà gần bàn học có 01 chìa khóa phụ bị cáo khởi động xe và điều khiển xe đi đến cửa hàng Mạnh Store tại khu vực chợ LT bán chiếc xe trên cho anh Phạm Văn M với giá là 20.000.000 đồng, rồi lấy số tiền này trả nợ hết 16.500.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu sài cá nhân hết. Kết luận định giá tài sản mà T trộm cắp của chị Y có trị giá là 29.400.000 đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Như vậy hành vi, ý thức nêu trên của bị cáo Nguyễn Mạnh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PY đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T theo tội danh và Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 173 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Nguyên nhân,

động cơ dẫn đến việc phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đầy đủ được việc làm của mình là sai trái. Do cần có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân mà không phải từ lao động chân chính nên dẫn đến việc phạm tội. Do vậy cần phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và đề răn đe, phòng ngừa chung.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt thấy: Bị cáo xuất thân từ nhân dân lao động, học đến lớp 9 thì nghỉ học. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho M, quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ xong bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị Công an thị xã (nay là thành phố PY) xử phạt 1.250.000đ về hành vi “*Xâm phạm đến sức khỏe của người khác*”, nhưng bị cáo đã không chấp hành việc nộp phạt, tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu thi hành. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định bị cáo đã nhiều lần mượn tài sản của gia đình để đi cầm cố để lấy tiêu xài cá nhân. Qua đó thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật vì vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian thì mới có thể cải tạo bị cáo thành người tốt được và cũng để răn đe phòng ngừa chung.

Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà là phù hợp được chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Y đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị mất, chị Y không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo T đã thay T trả số tiền 20.000.000 đồng cho anh Phạm Văn M. Chị T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này nên cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường này, đối với anh M không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì nên không đặt ra việc giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô BKS 20H1-623.14 có đăng ký xe mang tên Lưu Hương G, quá trình điều tra xác định bà G đã cho chị Y chiếc xe trên, nhưng chị Y chưa làm thủ tục sang tên; 01 CMTND mang tên Lưu Thị G; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 20H1-62314 mang tên Lưu Thị G; 01 móc chìa khóa (có 02 thẻ nhựa); 01 thẻ nhựa hình chữ nhật màu trắng. Toàn bộ vật chứng trên do anh M giao nộp lại cho cơ quan điều tra và đã được trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng, nên không đặt ra việc giải quyết.

[9]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11]. Các vấn đề khác: Trong vụ án này, anh Phạm Văn M là người mua chiếc xe mô tô do Nguyễn Mạnh T trộm cắp. Tuy nhiên khi bán xe cho anh M T nói dối là xe của mẹ bị cáo cho bị cáo, anh M không biết chiếc xe đó là do T phạm tội mà có, anh M có viết giấy tờ mua bán xe và có ký nhận của T. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý gì với anh M là phù hợp.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định trước đó Nguyễn Mạnh T có 02 lần mượn chiếc xe mô tô trên, sau đó mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Tuy nhiên, những lần trên chủ sở hữu là chị Nguyễn Xuân Y đều biết và đồng ý cho T mang xe đi cầm cố, vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với T là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ Luật hình sự. Xử phạt: Nguyễn Mạnh T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T không được đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo Công tác thi hành án từ ngày 15/08/2024 đến khi bắt bị cáo đi thụ hình.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585, 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa chị Dương Thị T(vợ bị cáo T) đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo T, bồi thường xong cho anh Phạm Văn M số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng).

5. Về vật chứng: Không đặt ra việc giải quyết.

6. Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà Nước.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố PY;
- Công an thành phố PY;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CCTHA thành phố PY;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã VP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy